

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú.

Bà Võ Thị Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** không.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2019, bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị H và anh S tự tìm hiểu quen nhau, sống chung từ năm 1992, không tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh S có nộ đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó Hn gán lại được một thời gian. Đến năm 2017 lại tiếp tục bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, cãi vã thường xuyên, do anh S ăn chơi không lo làm ăn chăm sóc gia đình, chị H khuyên nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung được nữa nên đã ly thân. Con chung có 02 người tên Lê Thanh T, sinh năm: 1993

đã có gia đình riêng và Lê T N, sinh ngày 18/8/2004 hiện nay đang sống chung với chị H. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Dương Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh S, con chung Lê Thanh T, sinh năm: 1993 đã trưởng thành, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê T N, sinh ngày 18/8/2004, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn anh Lê Thanh S trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, do anh S và chị H sống không hạnh phúc, thường bất đồng ý kiến quan điểm không phù hợp.

Nay anh Lê Thanh S yêu cầu: Thống nhất ly hôn với chị Dương Thị H, con chung cháu Lê Thanh T, sinh năm: 1993 đã trưởng thành, thống nhất giao con Lê T N, sinh ngày 18/8/2004 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến trưởng thành, không cấp dưỡng cho con do chị H không có yêu cầu, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Do chị và anh S mâu thuẫn thời gian dài, không thể Hn gần được nữa, nên yêu cầu ly hôn với anh S, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trọng N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Thanh S, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị H và anh S chung sống từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh S nên phát sinh tranh chấp ly hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh S là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nH nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của*

Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Trong thời gian chung sống thì chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn trầm T, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, đã ly thân thời gian dài từ năm 2017 đến nay nhưng không Hn gắn được. Tại phiên tòa chị H cương quyết ly hôn với anh S và anh S thống nhất ly hôn với chị H. Do chị H và anh S không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:** Cháu Lê Thanh T đã trưởng tHnh, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê T N hiện nay 15 tuổi, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng, anh S thống nhất giao cháu T N cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành, không cấp dưỡng cho con. Căn cứ bản khai ngày 22/8/2019 của cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H, để chị H nuôi dưỡng, nên công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh S và nguyện vọng của cháu N, giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng tHnh đủ 18 tuổi và anh S không phải cấp dưỡng cho cháu N do chị H không có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình. Anh S có quyền, N vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Lê Thanh S.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Dương Thị H và anh Lê Thanh S.

Giao cháu Lê T N, sinh ngày 18/9/2004 cho chị Dương Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh S, không phải cấp dưỡng cho cháu N do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh S không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh S.

3/ Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018-0003919 ngày 07/8/2019, tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị H không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/10/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự, thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi Hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ